

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

### TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HOÁ VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/9/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý giao dịch,

### QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam đính kèm Quyết định này.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT (để b/c);
- Lưu: Khối QLGD, HC./.



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Dặng Việt Hùng*

**SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM**



**QUY CHẾ**

**NIÊM YẾT VÀ GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG KỲ HẠN  
TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA**

|  |                              |
|--|------------------------------|
| <b>QUY CHẾ</b><br><br><b>NIÊM YẾT VÀ GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG KỲ HẠN</b><br><b>TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA</b> | Mã hiệu :                    |
|  | Ngày ban hành: 03 / 6 / 2021 |
|  | Lần ban hành: 03             |
|  | Tổng số trang: 15            |

**BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI**

| STT      | ĐIỀU                                   | NỘI DUNG SỬA ĐỔI  |
|----------|--|---|
| <b>A</b> | <b>Sửa đổi bổ sung ngày 5/3/2020</b>   |   |
|          | Điều 2                                 | Chỉnh sửa nội dung quy định về đối tượng điều chỉnh                           |
|          | Điều 3                                 | Chỉnh sửa nội dung một số định nghĩa  |
|          | Điều 7                                 | Chỉnh sửa nội dung về hàng hóa cơ sở  |
|          | Điều 12                                | Chỉnh sửa về phương thức thực hiện hợp đồng                                   |
|          | Điều 43                                | Chỉnh sửa về Điều khoản thi hành  |
| <b>B</b> | <b>Sửa đổi, bổ sung ngày 22/4/2020</b> |   |
|          | Điều 3                                 | Bổ sung định nghĩa "Tài khoản tự doanh"                                       |
|          | Điều 35                                | Chỉnh sửa Khoản 5.1   |
|          | Điều 44                                | Bổ sung điều khoản Sửa đổi, bổ sung   |
| <b>C</b> | <b>Sửa đổi, bổ sung ngày 3/6/2021</b>  |   |
|          | Điều 3                                 | Bổ sung một số định nghĩa   |
|          | Điều 4                                 | Sửa Khoản 3 về nguyên tắc chung về niêm yết Hợp đồng KHTC                     |
|          | Điều 5                                 | Bổ sung nội dung đặc tả Hợp đồng KHTC   |
|          | Điều 13                                | Sửa Khoản 2 về ngày giao dịch đầu tiên  |
|          | Điều 15                                | Sửa Khoản 2 về ngày thông báo đầu tiên  |
|          | Điều 16                                | Sửa Khoản 2 về ngày giao dịch cuối cùng                                       |
|          | Điều 17                                | Sửa quy định về thời gian giao dịch và kết cấu phiên                          |
|          | Điều 18                                | Bỏ Khoản 2  |
|          | Điều 23                                | Bỏ Khoản 2  |
|          | Điều 25                                | Sửa quy định về phương thức giao dịch đối với Hợp đồng KHTC                   |
|          | Điều 26                                | Bổ sung Khoản 2 về nguyên tắc khớp lệnh đối với phương thức báo giá trực tiếp |

|         |  |
|---------|--|
| Điều 27 | Bổ sung Khoản 2 về căn cứ xác định giá khớp lệnh qua phương thức báo giá trực tiếp |
| Điều 28 | Bổ sung Khoản 6 về Lệnh báo giá  |
| Điều 30 | Sửa Khoản 1 về xác nhận kết quả giao dịch  |
| Điều 35 | Bổ sung vào khoản 5.5 về rút tài sản ký quỹ đối với Hợp đồng KHTC LME 3-month      |
| Điều 36 | Sửa Khoản 7 về quy trình giao dịch Hợp đồng KHTC                                   |
| Điều 38 | Bổ sung Khoản 2 về hình thức thanh toán hợp đồng                                   |
| Điều 40 | Bổ sung Khoản 1.1 về đóng vị thế bắt buộc đối với Hợp đồng KHTC LME 3-month        |
| Điều 43 | Sửa đổi Điều khoản Hiệu lực thi hành   |

| NGƯỜI VIẾT  | NGƯỜI ĐÁNH GIÁ  |  | NGƯỜI DUYỆT  |
|---|---|--|--|
| <br>Vũ Xuân Quyết | <br>Dương Đức Quang | <br>Nguyễn Hải Mỹ | <br><br>NGƯỜI GIÁM ĐỐC<br>Đặng Việt Hùng |

## MỤC LỤC

|  |          |
|--|----------|
| <b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>                                   | <b>1</b> |
| Điều 1. Phạm vi áp dụng .....  | 1        |
| Điều 2. Đối tượng điều chỉnh .....                                     | 1        |
| Điều 3. Giải thích thuật ngữ .....                                     | 1        |
| <b>CHƯƠNG II. NIÊM YẾT HỢP ĐỒNG KỲ HẠN TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA .....</b>   | <b>4</b> |
| Điều 4. Nguyên tắc chung về niêm yết Hợp đồng KHTC .....               | 4        |
| Điều 5. Nội dung đặc tả Hợp đồng KHTC .....                            | 4        |
| Điều 6. Cấu trúc mã giao dịch của hợp đồng .....                       | 4        |
| Điều 7. Hàng hóa cơ sở.....  | 4        |
| Điều 8. Tháng đáo hạn .....  | 5        |
| Điều 9. Đơn vị yết giá .....   | 5        |
| Điều 10. Đơn vị giao dịch.....   | 5        |
| Điều 11. Hủy niêm yết .....  | 5        |
| <b>CHƯƠNG III. GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG KỲ HẠN TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA .....</b> | <b>5</b> |
| Điều 12. Quy tắc chung .....   | 5        |
| Điều 13. Ngày giao dịch đầu tiên .....                                 | 6        |
| Điều 14. Ngày đăng ký giao nhận .....                                  | 6        |
| Điều 15. Ngày thông báo đầu tiên.....                                  | 6        |
| Điều 16. Ngày giao dịch cuối cùng.....                                 | 6        |
| Điều 17. Thời gian giao dịch và kết cấu phiên .....                    | 6        |
| Điều 18. Biên độ dao động giá.....                                     | 6        |
| Điều 19. Giá giao dịch .....   | 6        |
| Điều 20. Khối lượng giao dịch .....                                    | 7        |
| Điều 21. Hạn mức đặt lệnh .....  | 7        |
| Điều 22. Vị thế .....  | 7        |
| Điều 23. Giới hạn vị thế của Hợp đồng KHTC .....                       | 8        |
| Điều 24. Phí giao dịch và các loại thuế, phí khác.....                 | 8        |
| Điều 25. Phương thức giao dịch.....                                    | 8        |
| Điều 26. Nguyên tắc khớp lệnh.....                                     | 8        |
| Điều 27. Căn cứ xác định giá khớp lệnh .....                           | 9        |
| Điều 28. Lệnh giao dịch khớp lệnh .....                                | 9        |
| Điều 29. Nội dung của lệnh giao dịch khớp lệnh.....                    | 9        |
| Điều 30. Nội dung xác nhận kết quả giao dịch khớp lệnh .....           | 10       |
| Điều 31. Sửa, hủy lệnh giao dịch .....                                 | 10       |
| Điều 32. Sửa lỗi giao dịch đã khớp lệnh .....                          | 10       |
| Điều 33. Xác định giá thanh toán cuối phiên.....                       | 11       |
| Điều 34. Tạm ngừng giao dịch.....                                      | 11       |
| Điều 35. Hoạt động giao dịch của Khách hàng .....                      | 11       |
| Điều 36. Quy trình giao dịch Hợp đồng KHTC .....                       | 12       |
| Điều 37. Nguyên tắc giao dịch .....                                    | 13       |

---

|   |           |
|---|-----------|
| Điều 38. Lãi lỗ vị thế dự kiến của trên tài khoản Khách hàng..... | 13        |
| Điều 39. Phương thức thanh toán hợp đồng khi đáo hạn .....        | 14        |
| Điều 40. Đóng vị thế bắt buộc.....                                | 14        |
| Điều 41. Tiêu chuẩn hàng hóa giao nhận .....                      | 14        |
| Điều 42. Các biện pháp ổn định giao dịch.....                     | 15        |
| <b>CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>                          | <b>15</b> |
| Điều 43. Hiệu lực thi hành .....                                  | 15        |
| Điều 44. Sửa đổi, bổ sung .....                                   | 15        |

## QUY CHẾ

### NIÊM YẾT VÀ GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG KỶ HẠN TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2.09/QĐ/TGD-MXV ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam)

#### CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về hoạt động niêm yết và giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (sau đây viết tắt là "MXV") và các Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài có liên thông với MXV.

##### Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Đối tượng điều chỉnh của Quy chế này là Thành viên Kinh doanh, Thành viên Môi giới và các tổ chức và cá nhân liên quan tham gia giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại MXV.

##### Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "**Sở Giao dịch hàng hóa**" là thị trường tập trung có những quy định và nguyên tắc vận hành cụ thể trong việc tổ chức hoạt động giao dịch hàng hóa. Sở Giao dịch hàng hóa ở đây bao gồm MXV và các Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông với MXV.
- "**Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam**" (sau đây gọi tắt là "MXV") là pháp nhân được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam, dưới hình thức Công ty Cổ phần, có chức năng thiết lập, quản lý, tổ chức và điều hành hệ thống giao dịch, giám sát giao dịch, đảm bảo cho các hoạt động giao dịch hàng hóa qua MXV được thực hiện một cách thông suốt theo quy định pháp luật và Điều lệ của MXV.
- "**Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa**" (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng KHTC") là thỏa thuận được chuẩn hóa giữa các bên, theo đó bên bán cam kết giao và bên mua cam kết nhận hàng hóa tại một thời điểm trong tương lai theo hợp đồng. Các hợp đồng này được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch hàng hóa.
- "**Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hoá Kim loại LME**" (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng KHTC LME") là Hợp đồng KHTC sản phẩm kim loại được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Kim loại London (London Metal Exchange – LME).
- "**Hợp đồng KHTC LME 3-month**": là loại Hợp đồng KHTC LME có thời gian đáo hạn 03 tháng kể từ ngày hợp đồng được niêm yết.
- "**Thành viên Kinh doanh**" là các Doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo Nghị định số 158/2006/NĐ-CP và Nghị định số 51/2018/NĐ-CP và được MXV công nhận làm Thành viên Kinh doanh.
- "**Thành viên Môi giới**" là các Doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo Nghị định số 158/2006/NĐ-CP và Nghị định số 51/2018/NĐ-CP và được MXV công nhận làm Thành viên Môi giới.
- "**Tài khoản giao dịch hàng hóa**" là tài khoản mở tại Thành viên Kinh doanh để thực

hiện giao dịch hàng hóa của Khách hàng, được sử dụng để quản lý tài sản ký quỹ và hàng hóa cơ sở để giao nhận, hạch toán lãi, lỗ vị thế hàng ngày và thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

- **“Tài khoản tự doanh”** là Tài khoản giao dịch hàng hóa do Thành viên Kinh doanh mở để thực hiện nghiệp vụ mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch Hàng hóa cho chính mình và các nghiệp vụ khác theo yêu cầu của MXV.
- **“Bù trừ”** là quá trình ghi nhận giao dịch, xác nhận vị thế và tính toán nghĩa vụ tài chính giữa các bên tham gia giao dịch.
- **“Trung tâm thanh toán bù trừ”** là tổ chức trực thuộc Sở Giao dịch hàng hóa thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ bù trừ các giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa.
- **“Trung tâm giao nhận hàng hoá”** là đơn vị trực thuộc hoặc ủy quyền của MXV thực hiện chức năng lưu giữ, bảo quản và giao nhận hàng hóa cho các hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa.
- **“Ngân hàng thanh toán”** là tổ chức tín dụng được MXV chỉ định là tổ chức thực hiện các lệnh thanh toán tiền phát sinh từ các giao dịch hàng hóa tại MXV.
- **“Giao dịch liên Kỳ hạn”** (Inter-Month Spread) là việc thực hiện giao dịch mua và bán các Hợp đồng KHTC có kỳ hạn khác nhau của cùng một hàng hóa thuộc một Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông với MXV.
- **“Giao dịch liên Hàng hoá”** (Inter-Commodity Spread) là việc thực hiện giao dịch mua và bán các Hợp đồng KHTC giữa các hàng hoá khác nhau thuộc cùng một hoặc nhiều Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông với MXV.
- **“Giao dịch liên Sở”** (Inter-Exchange Spread) là việc thực hiện giao dịch mua và bán các Hợp đồng KHTC của cùng một loại hàng hóa nhưng được niêm yết tại nhiều Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông với MXV.
- **“Giao dịch đối ứng”** là việc thực hiện các giao dịch ngược chiều nhằm tắt toán một phần hoặc toàn bộ vị thế mở.
- **“Giá khớp lệnh”** là giá giao dịch thành công được xác định từ kết quả khớp lệnh trên Hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch hàng hóa.
- **“Giá thanh toán cuối ngày”** là mức giá được xác định cuối ngày giao dịch để tính toán lãi, lỗ hàng ngày của các vị thế.
- **“Giá thanh toán cuối cùng”** là mức giá được xác định bởi Sở Giao dịch hàng hóa sau ngày giao dịch cuối cùng để xác định nghĩa vụ thanh toán khi thực hiện hợp đồng.
- **“Vị thế mở”** là tổng khối lượng hợp đồng phát sinh trong giao dịch nhưng chưa được thực hiện tắt toán hoặc thực hiện nghĩa vụ giao nhận.
- **“Giới hạn vị thế”** là số lượng hợp đồng tối đa đối với từng mặt hàng hoặc toàn bộ mặt hàng mà một tài khoản giao dịch được phép nắm giữ tại một thời điểm.
- **“Ký quỹ”** là một khoản tiền hoặc tài sản được sử dụng để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng.
- **“Ký quỹ ban đầu”** là mức ký quỹ tối thiểu mà Khách hàng phải có trên tài khoản giao dịch hàng hóa theo quy định của MXV khi thực hiện mở vị thế.



- **“Ký quỹ duy trì”** là mức ký quỹ tối thiểu mà Khách hàng phải có trên tài khoản giao dịch hàng hóa theo quy định của MXV để duy trì vị thế mở.
- **“Ký quỹ giao nhận hàng hoá”** là mức ký quỹ tối thiểu mà Khách hàng phải có trên tài khoản giao dịch hàng hóa theo quy định của MXV khi có ý định giao nhận hàng hoá.
- **“Ký quỹ chéo”** (Cross Margin) là việc áp dụng các mức ký quỹ được quy định trong Giao dịch liên Kỳ hạn hoặc Giao dịch liên Hàng hóa hoặc Giao dịch liên Sở.
- **“Hệ số ký quỹ”** là hệ số nhân với mức ký quỹ ban đầu được công bố nhằm tính ra mức ký quỹ cần thiết để mở mới vị thế hoặc duy trì các vị thế đang mở.
- **“Tỷ lệ ký quỹ”** là tỷ lệ được xác định bằng phần trăm giữa giá trị ròng ký quỹ và mức ký quỹ yêu cầu tại thời điểm xác định.
- **“Khoản Dự phòng rủi ro thanh toán”** là số tiền do từng Thành viên Kinh doanh nộp cho MXV trước khi thực hiện giao dịch nhằm bảo đảm nghĩa vụ thanh toán khi Thành viên Kinh doanh, Khách hàng của Thành viên Kinh doanh đó mất khả năng thanh toán.
- **“Ngày đăng ký giao nhận”** là ngày cuối cùng mà các bên tham gia giao dịch thông báo cho MXV về việc thực hiện giao nhận hàng hóa.
- **“Ngày thông báo đầu tiên”** là ngày mà các bên tham gia giao dịch bắt đầu vào quá trình giao nhận hàng hóa.
- **“Đặc tả hợp đồng”** là tài liệu mô tả những đặc điểm chi tiết của Hợp đồng KHTC do Sở Giao dịch hàng hóa quy định.
- **“Độ lớn hợp đồng”** là lượng hàng hóa cơ sở được giao dịch trong mỗi hợp đồng.
- **“Mặt hàng kinh doanh có điều kiện”** là những loại hàng hóa mà MXV phải xin phép Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận trước khi niêm yết giao dịch.
- **“Ngày niêm yết”** là ngày giao dịch đầu tiên một Hợp đồng KHTC sau khi đặc tả hợp đồng được MXV chấp thuận.
- **“Hệ thống giao dịch”** là trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các phần mềm phục vụ giao dịch, lưu trữ dữ liệu và an ninh bảo mật để đảm bảo các Thành viên của MXV có thể thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa thông qua Sở Giao dịch hàng hoá.
- **“Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên”** là toàn bộ hoặc một phần hệ thống máy tính của Thành viên kết nối với Hệ thống giao dịch của MXV để thực hiện giao dịch trực tuyến.
- **“Biên độ dao động giá”** là khoảng dao động giá tối đa của Hợp đồng KHTC trong ngày giao dịch.
- **“Hàng hóa cơ sở”** là các loại hàng hóa có đủ điều kiện tham gia vào quá trình giao nhận hàng hóa của Hợp đồng KHTC.
- **“Phương thức giao nhận hàng hóa”** là phương thức thanh toán có sự giao nhận hàng hóa cơ sở giữa các bên tham gia hợp đồng qua Trung tâm Giao nhận hàng hóa.
- **“Phương thức thanh toán bằng tiền”** là phương thức thanh toán dựa trên mức chênh lệch giữa giá khớp lệnh và giá thanh toán cuối cùng của hợp đồng qua Trung tâm Thanh toán bù trừ.

## CHƯƠNG II.

### NIÊM YẾT HỢP ĐỒNG KỲ HẠN TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA

#### Điều 4. Nguyên tắc chung về niêm yết Hợp đồng KHTC

1. MXV chịu trách nhiệm xây dựng đặc tả Hợp đồng KHTC.
2. MXV thực hiện niêm yết Hợp đồng KHTC.
3. MXV có quyền thay đổi các điều khoản trong Hợp đồng KHTC.

#### Điều 5. Nội dung đặc tả Hợp đồng KHTC

Nội dung đặc tả Hợp đồng KHTC do MXV quy định bao gồm các điều khoản như sau:

- Tên hợp đồng;
- Mã giao dịch;
- Hàng hóa cơ sở;
- Đơn vị giao dịch;
- Tháng đáo hạn;
- Loại hợp đồng;
- Ngày giao dịch đầu tiên;
- Ngày đăng ký giao nhận;
- Ngày thông báo đầu tiên;
- Ngày giao dịch cuối cùng;
- Phương thức thanh toán;
- Thời gian giao dịch;
- Đơn vị yết giá;
- Biên độ dao động giá;
- Giới hạn vị thế;
- Mức ký quỹ;
- Các điều khoản khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa.

#### Điều 6. Cấu trúc mã giao dịch của hợp đồng

1. Cấu trúc mã giao dịch của Hợp đồng KHTC bao gồm các nhóm ký tự thể hiện các nội dung sau:
  - 1.1. Hàng hóa cơ sở.
  - 1.2. Loại hợp đồng.
  - 1.3. Thời gian đáo hạn.
2. Cấu trúc mã giao dịch của Hợp đồng KHTC được MXV cụ thể hóa và thông báo trong đặc tả hợp đồng.

#### Điều 7. Hàng hóa cơ sở

1. Hàng hóa cơ sở là những sản phẩm, hàng hóa được phép niêm yết, giao dịch tại MXV.
2. Thành viên Kinh doanh, Khách hàng phải tuân thủ các quy định của MXV khi giao dịch các mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện.

#### **Điều 8. Tháng đáo hạn**

1. Tháng đáo hạn là tháng mà Hợp đồng KHTC hết hiệu lực niêm yết và được thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.
2. Tháng đáo hạn có thể thay đổi theo quyết định của MXV.

#### **Điều 9. Đơn vị yết giá**

1. Đơn vị yết giá được MXV quy định theo từng loại Hợp đồng KHTC cụ thể.
2. Đơn vị yết giá có thể thay đổi theo quyết định của MXV.

#### **Điều 10. Đơn vị giao dịch**

1. Đơn vị giao dịch của lệnh giao dịch Hợp đồng KHTC là một 01 hợp đồng (01 Lot).
2. Đơn vị giao dịch có thể thay đổi theo quyết định của MXV.

#### **Điều 11. Hủy niêm yết**

1. Hợp đồng KHTC bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:
  - 1.1. Hợp đồng đáo hạn: ngày hủy niêm yết của hợp đồng là ngày giao dịch liền sau ngày giao dịch cuối cùng của hợp đồng đó.
  - 1.2. MXV xét thấy đặc tả hợp đồng không còn phù hợp với điều kiện thị trường.
  - 1.3. Các trường hợp khác theo quyết định của MXV.
2. Việc hủy niêm yết Hợp đồng KHTC quy định tại Khoản 1.2, Khoản 1.3 Điều này được thực hiện sau khi MXV thông báo đến các Thành viên.

### **CHƯƠNG III.**

#### **GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG KỶ HẠN TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA**

#### **Điều 12. Quy tắc chung**

1. Đối tượng tham gia giao dịch tại MXV:
  - 1.1. Thành viên Kinh doanh thực hiện các hoạt động tự doanh hoặc nhận uỷ thác mua bán hàng hoá cho Khách hàng.
  - 1.2. Tổ chức trong nước có đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật; Cá nhân trong nước từ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.
  - 1.3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được phép tham gia giao dịch tại MXV theo quy định của pháp luật.
2. Các giao dịch Hợp đồng KHTC được thực hiện qua Thành viên Kinh doanh. Hệ thống giao dịch của MXV nhận lệnh từ Thành viên Kinh doanh thông qua hệ thống tiếp nhận của MXV và Hệ thống giao dịch trực tuyến của Thành viên Kinh doanh.
3. Phương thức thực hiện hợp đồng:

- 3.1. Phương thức thanh toán bằng tiền;
- 3.2. Phương thức giao nhận hàng hóa.

**Điều 13. Ngày giao dịch đầu tiên**

1. MXV quy định ngày giao dịch đầu tiên của Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV.
2. MXV thực hiện việc công bố về ngày giao dịch đầu tiên của Hợp đồng KHTC.

**Điều 14. Ngày đăng ký giao nhận**

1. MXV quy định ngày đăng ký giao nhận của Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV.
2. Đối với các Hợp đồng KHTC thuộc hàng hóa không được phép giao nhận hàng hóa, các vị thế mở phải được tắt toán trước ngày đăng ký giao nhận.
3. MXV sẽ đóng bắt buộc các vị thế còn mở của Hợp đồng KHTC của hàng hóa không được phép giao nhận hàng hóa sau ngày đăng ký giao nhận.

**Điều 15. Ngày thông báo đầu tiên**

1. MXV quy định ngày thông báo đầu tiên của Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV.
2. MXV thực hiện việc công bố về ngày thông báo đầu tiên của Hợp đồng KHTC.

**Điều 16. Ngày giao dịch cuối cùng**

1. MXV quy định ngày giao dịch cuối cùng của Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV.
2. MXV thực hiện việc công bố về ngày giao dịch cuối cùng của Hợp đồng KHTC.

**Điều 17. Thời gian giao dịch và kết cấu phiên**

1. MXV tổ chức giao dịch Hợp đồng KHTC các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy hàng tuần. Thời gian giao dịch cụ thể đối với từng loại hợp đồng sẽ được MXV quy định trong đặc tả hợp đồng.
2. MXV quy định thời gian giao dịch đối với từng Hợp đồng KHTC tương ứng.
3. Trong trường hợp cần thiết, MXV quyết định thay đổi thời gian giao dịch của các Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV.
4. MXV thực hiện công bố và tổ chức giao dịch Hợp đồng KHTC dựa trên quy định về thời gian giao dịch của Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài có liên thông. Thông tin về thời gian giao dịch và kết cấu phiên có trong bản đặc tả Hợp đồng KHTC.

**Điều 18. Biên độ dao động giá**

1. MXV quy định biên độ dao động giá đối với các Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV.
2. Trong trường hợp cần thiết, MXV quyết định thay đổi biên độ dao động giá của các Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV.

**Điều 19. Giá giao dịch**

1. **Giá mở cửa** là giá khớp lệnh đầu tiên trong phiên giao dịch của các Hợp đồng KHTC.

2. **Giá đóng cửa** là giá khớp lệnh cuối cùng trong phiên giao dịch của các Hợp đồng KHTC.
3. **Giá cao nhất** là giá khớp lệnh cao nhất trong phiên giao dịch của các Hợp đồng KHTC tính đến thời điểm thông báo.
4. **Giá thấp nhất** là giá khớp lệnh thấp nhất trong phiên giao dịch của các Hợp đồng KHTC tính đến thời điểm thông báo.
5. **Giá thị trường** là giá khớp lệnh gần nhất trong phiên giao dịch của các Hợp đồng KHTC.
6. **Giá thanh toán cuối ngày** là mức giá do Sở Giao dịch hàng hóa công bố cuối mỗi phiên giao dịch để làm cơ sở tính toán lãi lỗ vị thế mở.
7. **Giá chào mua tốt nhất** là giá chào mua tốt nhất mà Thành viên Kinh doanh hoặc Khách hàng sẵn sàng trả tiền để mua một Hợp đồng KHTC tại thời điểm cụ thể.
8. **Giá chào bán tốt nhất** là giá chào bán tốt nhất mà Thành viên Kinh doanh hoặc Khách hàng sẵn sàng chấp nhận để bán một Hợp đồng KHTC tại thời điểm cụ thể.
9. **Mức thay đổi giá** là giá trị hoặc phần trăm thay đổi giữa giá khớp lệnh gần nhất so với giá thanh toán phiên trước đó của các Hợp đồng KHTC.

#### Điều 20. Khối lượng giao dịch

1. **Khối lượng chào mua** là khối lượng của các lệnh đặt chào mua nhưng chưa khớp của mỗi loại hàng hóa và hợp đồng trên Hệ thống giao dịch tại thời điểm cụ thể.
2. **Khối lượng chào bán** là khối lượng của các lệnh đặt chào bán nhưng chưa khớp của mỗi loại hàng hóa và hợp đồng trên Hệ thống giao dịch tại thời điểm cụ thể.
3. **Khối lượng giao dịch khớp lệnh** là khối lượng của các lệnh được khớp của mỗi loại hàng hóa và hợp đồng trên Hệ thống giao dịch tại thời điểm cụ thể.

#### Điều 21. Hạn mức đặt lệnh

1. Hạn mức đặt lệnh là số lượng hợp đồng tối đa mà tài khoản giao dịch có thể đặt mua hoặc bán trên mỗi lệnh.
2. MXV quy định hạn mức đặt lệnh đối với từng Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV.
3. Trong trường hợp cần thiết, MXV quyết định thay đổi hạn mức đặt lệnh của từng Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV.

#### Điều 22. Vị thế

1. Vị thế mở là vị thế giao dịch mua nhưng chưa bán lại hoặc vị thế giao dịch bán nhưng chưa mua lại. Các vị thế này có thể dẫn đến tổn thất hoặc lợi nhuận nhiều mức độ cho Thành viên Kinh doanh hoặc Khách hàng là chủ thể của các vị thế mở đó.
2. MXV sẽ thiết lập và cập nhật giới hạn vị thế mở cho từng Thành viên Kinh doanh.
3. Tắt toán vị thế (đóng vị thế, tắt toán trạng thái) là việc thực hiện các giao dịch đối ứng đối với các vị thế đang mở, các vị thế giao dịch chỉ được xem đã được đóng lại khi các giao dịch đối ứng với vị thế giao dịch mở có cùng loại hàng hóa, khối lượng, kỳ hạn và thị trường. Vị thế giao dịch mở và các giao dịch đối ứng có thể có ngày giao dịch khác nhau.

4. Thành viên Kinh doanh hoặc Khách hàng đang có vị thế giao dịch mở có trách nhiệm phải tự chịu các sự tổn thất, thiệt hại hoặc được hưởng lợi ích từ các vị thế giao dịch mở đó.
5. Thành viên Kinh doanh hoặc Khách hàng có thể có nhiều vị thế giao dịch mở trong cùng thời điểm nhưng tổng khối lượng các vị thế mở không được vượt quá giới hạn vị thế mở.

#### **Điều 23. Giới hạn vị thế của Hợp đồng KHTC**

1. MXV quy định giới hạn vị thế đối với từng Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV.
2. Trong trường hợp cần thiết, MXV quyết định thay đổi giới hạn vị thế của từng Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV theo từng mặt hàng hoặc toàn bộ các mặt hàng.

#### **Điều 24. Phí giao dịch và các loại thuế, phí khác**

1. Khách hàng có nghĩa vụ trả phí giao dịch cho Thành viên Kinh doanh đối với các lệnh khớp thành công theo quy định của MXV.
2. Thành viên Kinh doanh có nghĩa vụ trả phí giao dịch cho MXV đối với các lệnh của Khách hàng khớp thành công.
3. Các loại thuế, phí khác (nếu có) thu theo quy định của MXV và quy định pháp luật.
4. Phí giao dịch và các loại thuế, phí khác sẽ được MXV hoạch toán vào cuối phiên giao dịch.

#### **Điều 25. Phương thức giao dịch**

1. Phương thức khớp lệnh liên tục là phương thức giao dịch được Hệ thống giao dịch thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán hàng hóa ngay khi lệnh được nhập vào Hệ thống giao dịch.
2. Phương thức báo giá trực tiếp là phương thức giao dịch được áp dụng khi Thành viên Kinh doanh liên hệ trực tiếp với MXV (qua điện thoại, hoặc các phần mềm chuyên dụng theo quy định của MXV) để biết thông tin về giá và đưa ra yêu cầu đặt lệnh.
3. Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV được giao dịch bằng phương thức khớp lệnh liên tục.
4. Hợp đồng KHTC LME 3-month được giao dịch bằng phương thức khớp lệnh liên tục và phương thức báo giá trực tiếp.
5. Trong trường hợp cần thiết, MXV quyết định thay đổi phương thức giao dịch các Hợp đồng KHTC niêm yết, giao dịch tại MXV.

#### **Điều 26. Nguyên tắc khớp lệnh**

1. Đối với phương thức khớp lệnh liên tục:

Hệ thống giao dịch thực hiện so khớp các lệnh mua và lệnh bán Hợp đồng KHTC theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên về giá và thời gian, cụ thể như sau:

- 1.1. Ưu tiên về giá:

- Lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước.
- Lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.

1.2. Ưu tiên về thời gian:

Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào Hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

2. Đối với phương thức báo giá trực tiếp:

Mức giá khớp của lệnh tất toán Hợp đồng KHTC LME 3-month là mức giá Thành viên Kinh doanh xác nhận đồng ý đặt lệnh sau khi nhận được giá chào mua/chào bán của thị trường tại thời điểm đó từ MXV.

**Điều 27. Căn cứ xác định giá khớp lệnh**

1. Căn cứ xác định giá khớp lệnh qua phương thức khớp lệnh liên tục là giá của lệnh đối ứng đang chờ trên sổ lệnh.
2. Đối với việc giao dịch Hợp đồng KHTC LME 3-month thì căn cứ xác định giá khớp lệnh qua phương thức báo giá trực tiếp là giá do MXV đưa ra và được Thành viên kinh doanh xác nhận đồng ý đặt lệnh với mức giá đó.

**Điều 28. Lệnh giao dịch**

1. **Lệnh giới hạn:**

- 1.1. Lệnh giới hạn (Limit Order - LMT) là lệnh mua hoặc bán hàng hóa tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn. Mức giá tốt hơn là mức giá cao hơn mức giá xác định đối với lệnh bán và mức giá thấp hơn mức giá xác định đối với lệnh mua.
- 1.2. Lệnh LMT có hiệu lực kể từ khi Sở Giao dịch hàng hóa xác nhận cho đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.
2. **Lệnh thị trường (Market Order - MKT)** là lệnh mua bán một lượng hàng hoá tại bất kỳ mức giá nào của thị trường tại thời điểm lệnh được đưa vào thị trường (đó là mức giá tốt nhất của thị trường tại thời điểm đó khi mua sẽ mua ở giá bán thấp nhất trước rồi đến các mức giá cao hơn, khi bán sẽ bán ở giá mua cao nhất rồi đến các mức giá thấp hơn).
3. **Lệnh dừng (Stop Order - STP)** là lệnh để mua hoặc bán một lượng hàng hóa ngay khi giá thị trường đạt được một mức cụ thể, gọi là mức giá dừng. Khi giá thị trường đạt tới mức giá này thì lệnh dừng sẽ trở thành một lệnh thị trường.
4. **Lệnh dừng giới hạn (Stop Limit - STL)** là lệnh để mua hoặc bán một lượng hàng hóa ngay khi giá thị trường đạt được một mức cụ thể, gọi là mức giá dừng. Khi giá thị trường đạt tới điểm này thì lệnh dừng sẽ trở thành một lệnh giới hạn.
5. **Lệnh báo giá** là lệnh được nhập vào hệ thống để thực hiện tất toán Hợp đồng KHTC LME 3-month đã được mở vị thế trong các phiên giao dịch trước đó.
6. **Lệnh hủy (Cancellation)** là lệnh dùng để hủy bỏ lệnh đã ra trước đó.
7. Các loại lệnh khác sau khi được MXV đưa vào Hệ thống giao dịch.

**Điều 29. Nội dung của lệnh giao dịch khớp**

Nội dung của lệnh giao dịch khớp lệnh bao gồm các thông tin sau:

- Mã lệnh.
- Mã giao dịch của hợp đồng.

- Mã Thành viên Kinh doanh.
- Số tài khoản Khách hàng.
- Lệnh mua hoặc lệnh bán.
- Loại lệnh.
- Khối lượng.
- Giá của lệnh khớp.
- Một số nội dung khác do MXV quy định.

**Điều 30. Nội dung xác nhận kết quả giao dịch khớp lệnh**

1. Xác nhận kết quả giao dịch qua Hệ thống giao dịch sau khi khớp lệnh với nội dung sau:
  - 1.1. Mã giao dịch của hợp đồng.
  - 1.2. Số tài khoản Khách hàng.
  - 1.3. Khối lượng thực hiện.
  - 1.4. Giá thực hiện.
  - 1.5. Thời gian giao dịch thực hiện.
  - 1.6. Một số nội dung khác theo quy định của MXV.
2. MXV xác nhận kết quả khớp lệnh bằng văn bản khi cần thiết với các nội dung sau:
  - 2.1. Mã lệnh
  - 2.2. Mã giao dịch của hợp đồng.
  - 2.3. Mã Thành viên Kinh doanh.
  - 2.4. Số tài khoản Khách hàng.
  - 2.5. Khối lượng thực hiện.
  - 2.6. Giá thực hiện.
  - 2.7. Thời gian giao dịch thực hiện.
  - 2.8. Một số nội dung khác theo quy định của MXV.

**Điều 31. Sửa, hủy lệnh giao dịch**

1. Việc sửa lệnh, hủy lệnh giao dịch chỉ có hiệu lực đối với lệnh chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.
2. Các lệnh giới hạn, lệnh dừng và lệnh dừng giới hạn đang chờ khớp được phép sửa giá, khối lượng hoặc hủy lệnh trong thời gian giao dịch. Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào Hệ thống giao dịch.
3. Việc sửa, hủy lệnh giao dịch đã khớp lệnh được thực hiện theo quy định của MXV.
4. Trong trường hợp giao dịch đã được xác lập (kể cả lệnh đã khớp) ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi các Khách hàng hoặc toàn bộ giao dịch trên thị trường, MXV có quyền hủy bỏ giao dịch trên.

**Điều 32. Sửa lỗi giao dịch đã khớp lệnh**



Sau khi giao dịch đã được khớp lệnh trên Hệ thống giao dịch, nếu Thành viên Kinh doanh phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình nhận lệnh, nhập lệnh vào Hệ thống giao dịch, Thành viên Kinh doanh phải báo cáo MXV về lỗi giao dịch và chịu trách nhiệm giải quyết với Khách hàng về lỗi giao dịch của mình. Việc sửa lỗi sau giao dịch của Thành viên Kinh doanh phải tuân thủ quy định của MXV.

### **Điều 33. Xác định giá thanh toán cuối ngày**

Giá thanh toán cuối ngày của Hợp đồng KHTC được MXV xác định và công bố. MXV sẽ cập nhật giá thanh toán cuối ngày của các Hợp đồng KHTC vào Hệ thống giao dịch.

### **Điều 34. Tạm ngừng giao dịch**

1. MXV quyết định và thông báo tạm ngừng giao dịch trong các trường hợp sau:
  - 1.1. Trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
  - 1.2. Hệ thống giao dịch và hệ thống tiếp nhận, chuyển lệnh của MXV gặp sự cố không thể giao dịch được như thường lệ.
  - 1.3. Khi có trên 1/2 số Thành viên Kinh doanh trên thị trường trở lên gặp sự cố về hệ thống.
  - 1.4. Khi MXV nhận được thông báo tạm ngừng giao dịch từ Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài có liên thông.
  - 1.5. Các trường hợp khác khi MXV thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích của Khách hàng.
2. Hoạt động giao dịch sẽ được tiếp tục ngay sau khi các sự kiện nêu tại Khoản 1 Điều này được khắc phục. Trường hợp không thể khắc phục thì ngày giao dịch sẽ được coi là kết thúc tại lần khớp lệnh cuối cùng trước đó.
3. MXV sẽ thông báo các thông tin về việc tạm ngừng giao dịch cho Thành viên Kinh doanh, Thành viên Môi giới và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

### **Điều 35. Hoạt động giao dịch của Khách hàng**

1. Để thực hiện giao dịch Hợp đồng KHTC niêm yết trên MXV, Khách hàng phải mở tài khoản giao dịch hàng hóa tại Thành viên Kinh doanh của MXV. Khách hàng được mở nhiều tài khoản giao dịch hàng hóa theo nguyên tắc tại mỗi Thành viên Kinh doanh chỉ được mở một (01) tài khoản giao dịch.
2. Thành viên Kinh doanh được mở tài khoản giao dịch hàng hoá cho mình để tự doanh và được mở tài khoản giao dịch hàng hoá cho Khách hàng.
3. Thành viên Môi giới có quyền mở tài khoản giao dịch hàng hoá cho Khách hàng sau khi ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Thành viên Kinh doanh.
4. Sử dụng tài khoản giao dịch hàng hóa.

Tài khoản giao dịch hàng hóa của Khách hàng được sử dụng cho các hoạt động sau:

  - 4.1. Đặt lệnh giao dịch trên Hệ thống giao dịch của MXV.
  - 4.2. Nhận và hoàn trả ký quỹ cho Khách hàng.
  - 4.3. Nhận lãi hoặc thanh toán lỗ thực tế hàng ngày từ việc đóng vị thế của Khách hàng;
  - 4.4. Xác nhận việc giao nhận hàng hóa cơ sở khi thực hiện hợp đồng (trong trường hợp thanh toán dưới hình thức giao nhận hàng hóa) đối với vị thế nắm giữ của Khách hàng, trường hợp nắm giữ vị thế mua thì sẽ thực hiện việc chuyển tiền và nhận hàng, ngược lại đối với

trường hợp nắm giữ vị thế bán thì sẽ thực hiện việc giao hàng và nhận tiền.

5. Hoạt động ký quỹ của Khách hàng.

Khi thực hiện giao dịch Hợp đồng KHTC, Khách hàng phải thực hiện ký quỹ với Thành viên Kinh doanh như sau:

- 5.1. Trước mỗi phiên giao dịch, MXV sẽ công bố các mức ký quỹ ban đầu, mức ký quỹ duy trì, mức ký quỹ giao nhận hàng hoá để Thành viên Kinh doanh và Khách hàng có căn cứ thực hiện giao dịch.
- 5.2. Khách hàng có trách nhiệm nộp đầy đủ ký quỹ ban đầu cho toàn bộ vị thế dự kiến mở trước khi thực hiện giao dịch, ngoại trừ các giao dịch đối ứng.
- 5.3. Khách hàng phải duy trì ký quỹ cho vị thế của mình và phải bổ sung ký quỹ khi giá trị tài sản ký quỹ xuống dưới mức ký quỹ duy trì yêu cầu hoặc số dư tiền gửi ký quỹ không đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì bằng tiền theo yêu cầu của Thành viên Kinh doanh. Khách hàng phải nộp bổ sung tiền ký quỹ giao dịch chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo. Tùy vào điều kiện thị trường, Thành viên Kinh doanh có quyền yêu cầu Khách hàng bổ sung ký quỹ ngay trong phiên giao dịch.
- 5.4. Kể từ ngày thông báo đầu tiên thì những Khách hàng có ý định giao nhận hàng hóa phải duy trì đủ mức ký quỹ giao nhận hàng hoá theo quy định của MXV.
- 5.5. Khách hàng được rút bớt tài sản ký quỹ nếu giá trị tài sản ký quỹ vượt quá giá trị ký quỹ yêu cầu. Đối với Hợp đồng KHTC LME 3-month sau khi tất toán, khoản lãi thực tế sẽ được tính làm tài sản để mở vị thế mới, nhưng chỉ được phép rút ra khi Hợp đồng KHTC LME 3-month đáo hạn.

**Điều 36. Quy trình giao dịch Hợp đồng KHTC**

1. Khách hàng mở tài khoản giao dịch tại Thành viên Kinh doanh của MXV.
2. Trước khi giao dịch, Khách hàng nộp ký quỹ ban đầu cho Thành viên Kinh doanh với mức ký quỹ và tài sản ký quỹ theo quy định của MXV.
3. Khách hàng thực hiện đặt lệnh giao dịch. Lượng ký quỹ ban đầu phải tương ứng với lệnh đặt, đồng thời phải đảm bảo nếu lệnh được khớp thì tổng số vị thế nắm giữ của Khách hàng sẽ không vượt quá giới hạn vị thế. Các lệnh được sử dụng trong giao dịch và nội dung của từng loại lệnh được quy định trong Điều 27 và Điều 28 của Quy chế này.
4. Hệ thống giao dịch xác nhận lệnh được khớp, gửi kết quả giao dịch lại cho Thành viên Kinh doanh. Thành viên Kinh doanh thông báo kết quả khớp lệnh cho Khách hàng. Nội dung của kết quả khớp lệnh được quy định tại Điều 29 của Quy chế này.
5. MXV sẽ xác định mức giá thanh toán cuối ngày đối với từng loại hợp đồng, và Hệ thống giao dịch dựa trên mức giá thanh toán cuối ngày đó sẽ tính toán lãi, lỗ dự kiến của từng vị thế trong phiên giao dịch.
6. MXV sẽ tiến hành yêu cầu bổ sung ký quỹ đối với những tài khoản giao dịch có số dư ký quỹ dưới mức quy định. Khi nhận được yêu cầu bổ sung ký quỹ, Khách hàng thực hiện nộp đầy đủ số tiền ký quỹ bị thiếu hụt.
7. Nếu tài khoản giao dịch có số dư ký quỹ trên mức quy định, Khách hàng có thể rút phần dư nhưng vẫn phải đảm bảo mức ký quỹ theo quy định.
8. Khách hàng thực hiện việc tất toán Hợp đồng KHTC bằng cách đặt lệnh đối ứng với vị

thế của hợp đồng. Khách hàng có thể tắt toán hợp đồng trước khi hợp đồng đáo hạn và nhận về khoản lãi, lỗ thực tế. Đối với Hợp đồng KHTC LME 3-month sau khi tắt toán, khoản lãi thực tế sẽ được tính làm tài sản để mở vị thế mới, nhưng chỉ được phép rút ra khi Hợp đồng KHTC LME 3-month đáo hạn.

9. Lãi, lỗ vị thế dự kiến do việc thanh toán hợp đồng được quy định trong Điều 38 của Quy chế này.
10. Trước ngày thông báo đầu tiên, nếu không có ý định giao nhận hàng hóa, Khách hàng phải đóng vị thế đối với tất cả các Hợp đồng KHTC đang nắm giữ. Nếu không thực hiện việc tắt toán các vị thế, Khách hàng phải thực hiện việc giao nhận hàng hóa theo đúng quy định về giao nhận hàng hóa của Sở Giao dịch hàng hóa.
11. Khách hàng nắm giữ Hợp đồng KHTC đến ngày giao dịch cuối cùng phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong việc thanh toán theo hình thức bằng tiền hoặc bằng giao nhận hàng hóa theo đúng các điều khoản của hợp đồng. Việc thanh toán bằng giao nhận hàng hóa đối với từng hàng hóa được quy định trong Quy chế giao nhận hàng hóa.

### **Điều 37. Nguyên tắc giao dịch**

1. Hệ thống giao dịch của MXV chỉ nhận lệnh từ hệ thống Thành viên Kinh doanh.
2. Thành viên Kinh doanh có trách nhiệm kiểm soát lệnh đặt của mình và của Khách hàng để đảm bảo tuân thủ đúng quy định.
3. MXV sẽ từ chối lệnh đặt nếu tài khoản đặt lệnh không nằm trong danh sách tài khoản của MXV hoặc tài khoản giao dịch hàng hóa đang bị phong tỏa.
4. Trước khi đặt lệnh giao dịch, trong thời gian nắm giữ vị thế và khi thực hiện hợp đồng, Thành viên Kinh doanh và Khách hàng phải bảo đảm mức ký quỹ ban đầu yêu cầu theo quy định.
5. Khách hàng phải bảo đảm vị thế trên tài khoản giao dịch với từng hàng hóa trong giới hạn vị thế. Trong trường hợp muốn giao dịch lớn hơn mức giới hạn vị thế, Khách hàng phải thông báo và được Thành viên Kinh doanh chấp thuận.
6. Thành viên Kinh doanh phải đảm bảo tổng vị thế của các tài khoản giao dịch trực thuộc mình với từng hàng hóa trong giới hạn vị thế. Trong trường hợp muốn giao dịch lớn hơn mức giới hạn vị thế, Thành viên Kinh doanh phải thông báo và được MXV chấp thuận.
7. Sau khi lệnh được khớp, Khách hàng được coi là đã tham gia Hợp đồng KHTC, có đầy đủ quyền và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đó.

### **Điều 38. Lãi lỗ vị thế dự kiến của trên tài khoản Khách hàng**

1. Trong các ngày giao dịch trước ngày thông báo đầu tiên, giá trị khoản thanh toán lãi lỗ vị thế được xác định hàng ngày trên cơ sở các vị thế mở trên tài khoản giao dịch hàng hóa của Khách hàng và chênh lệch giữa giá thanh toán cuối ngày so với giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước; hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán cuối ngày so với giá khớp (đối với vị thế vừa mở trong ngày); hoặc chênh lệch giữa giá khớp so với giá thanh toán cuối phiên của ngày giao dịch liền trước (đối với trường hợp đóng vị thế trước hạn); hoặc chênh lệch giữa giá khớp đóng vị thế so với giá khớp mở vị thế (đối với trường hợp mở và đóng vị thế trong cùng ngày giao dịch).

2. Nếu đến ngày thông báo đầu tiên mà Khách hàng chưa đóng vị thế, Khách hàng phải thực hiện thanh toán hợp đồng dưới hình thức bằng tiền hoặc giao nhận hàng hóa.

#### **Điều 39. Phương thức thanh toán hợp đồng khi đáo hạn**

1. Khách hàng nắm giữ vị thế đối với Hợp đồng KHTC cho tới ngày giao dịch cuối cùng có thể thực hiện thanh toán hợp đồng dưới hai (2) hình thức: thanh toán dưới hình thức bằng tiền và thanh toán dưới hình thức giao nhận hàng hóa.
2. Đối với Hợp đồng KHTC thanh toán dưới hình thức bằng tiền: việc thanh toán hợp đồng được hoàn tất khi hoàn tất thanh toán lãi, lỗ vị thế của ngày giao dịch cuối cùng.
3. Đối với Hợp đồng KHTC thanh toán dưới hình thức giao nhận hàng hóa: Khách hàng bên bán phải giao nhận tài sản cơ sở được quy định trong hợp đồng và Khách hàng bên mua phải thực hiện thanh toán tiền theo các điều khoản tại hợp đồng. Việc giao nhận hàng hóa đối với từng hàng hóa được giao dịch trên MXV được quy định trong Quy chế giao nhận hàng hóa.
4. Việc lưu kho, kiểm định và giao, nhận hàng hóa cơ sở thực hiện theo quy định của Quy chế giao nhận hàng hóa.

#### **Điều 40. Đóng vị thế bắt buộc**

1. MXV có quyền thực hiện và/hoặc yêu cầu Thành viên Kinh doanh hoặc Khách hàng đóng các vị thế mở trong các trường hợp sau:
  - 1.1. Trước ngày thông báo đầu tiên của tháng đến hạn đối với Hợp đồng KHTC hoặc trước ngày đáo hạn đối với Hợp đồng KHTC LME 3-month mà Khách hàng không có thông báo ý định giao nhận hàng hóa hoặc đối với các mặt hàng không được phép giao nhận hàng hóa theo quy định của MXV.
  - 1.2. Thành viên Kinh doanh hoặc Khách hàng không đảm bảo mức ký quỹ duy trì theo quy định của MXV.
  - 1.3. Số hợp đồng đang còn hiệu lực vượt quá giới hạn giao nhận hàng hóa theo quy định.
  - 1.4. Thành viên Kinh doanh hoặc Khách hàng vi phạm các quy định giao dịch của MXV và quy định pháp luật.
  - 1.5. Đóng vị thế bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. MXV tiến hành đóng vị thế bắt buộc khi cần thiết để tuân thủ quy định giao dịch và ổn định cho thị trường nếu Thành viên Kinh doanh và Khách hàng không thực hiện đầy đủ và kịp thời, đồng thời sẽ có các hình thức xử lý vi phạm thích hợp. Trong trường hợp đã đóng vị thế mà giá trị ký quỹ còn lại vẫn không đủ bù đắp, Thành viên Kinh doanh và Khách hàng phải tiếp tục thanh toán cho bên bị thiệt hại.
3. Các bên thực hiện đóng vị thế bắt buộc phải áp dụng giá có thể thực hiện tốt nhất trên thị trường vào thời điểm đó.
4. Các bên bị đóng vị thế bắt buộc sẽ không được mở vị thế mới trước khi đáp ứng đầy đủ các quy định của MXV.

#### **Điều 41. Tiêu chuẩn hàng hóa giao nhận**

Hàng hóa được sử dụng để giao nhận sau ngày giao dịch cuối cùng của Hợp đồng KHTC là loại hàng hóa đúng theo đặc tả hợp đồng hoặc có chất lượng tương đương với

hàng hóa được sử dụng làm hàng hóa cơ sở và đáp ứng các điều kiện quy định của MXV.

#### Điều 42. Các biện pháp ổn định giao dịch

MXV áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây để ổn định giao dịch:

- Thay đổi số phiên giao dịch, thời gian giao dịch.
- Áp dụng, điều chỉnh giới hạn lệnh.
- Hạn chế mở vị thế mở mới.
- Thay đổi hệ số ký quỹ giao dịch.
- Dừng nhận lệnh hoặc hủy bỏ các lệnh giao dịch.
- Các biện pháp cần thiết khác nhằm ổn định giao dịch hoặc để bảo vệ Khách hàng khi MXV thấy cần thiết.

### CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 43. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa ban hành kèm Quyết định số 35/QĐ/TGD-MXV ngày 28/04/2020 của Tổng Giám đốc MXV.

#### Điều 44. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc MXV quyết định./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Dặng Việt Hùng*